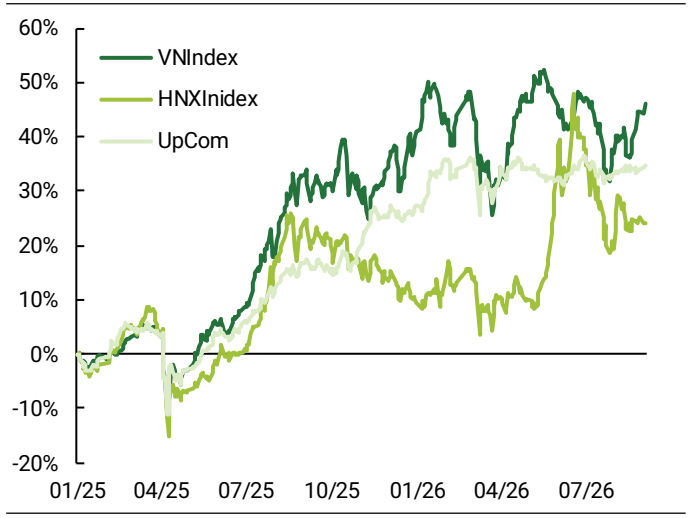
BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

XANH VỎ ĐỎ LÒNG, NHÓM VIN NÂNG ĐỠ TRONG KHI ÁP LỰC BÁN CHI PHỐI DIỄN BIẾN CHUNG

07/09/2026

VN-Index	**1853.08 (1.39%)**
671 Tr. cổ phiếu	16791.9 Tỷ VND (-4.32%)
HNX-Index	**282.53 (0.10%)**
42 Tr. cổ phiếu	642.1 Tỷ VND (-15.65%)
UPCOM-Index	**127.94 (0.13%)**
37 Tr. cổ phiếu	478.0 Tỷ VND (31.26%)
VN30F1M	**1985.60 (1.54%)**
207,137 HD	OI: 30,163 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1853.1, tăng +25.4 điểm (+1.39%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chi phối mặt bằng chung cổ phiếu trong phiên chiều, trong khi chỉ số vẫn được nâng đỡ chủ yếu bởi nhóm Vin.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: NLG (+4.5%), VIC (+4.7%), HDG (+4.8%) l Ngân hàng: VIB (+2.4%), VPB (+3.1%), STB (+3.8%) l Thực phẩm và đồ uống: SAB (+0.8%), VNM (+1.1%) l Dịch vụ tài chính: HCM (+1.3%), DSC (+1.9%). Diễn biến yếu trong phiên:Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-3.5%), VTP (-1.7%), GEE (-1.6%) l Xây dựng và Vật liệu: CII (-2.1%), EVG (-1.6%) l Dầu khí: PVD (-0.8%), BSR (-0.6%) l Hóa chất: DPM (-2.1%), GVR (-0.6%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPB, STB, TCB - Chiều giảm | SSB, OCB, VPX, LPS, VJC.
- Khối ngoại Mua ròng gần 90 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VHM, MCH, trong khi bán ròng DXG, VCB, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** giữ sắc xanh, tiếp tục được nâng đỡ bởi nhóm vốn hóa lớn, dẫn đầu là Vingroup. Chiều ngược lại, thanh khoản và độ rộng thị trường tiếp đà suy yếu. Đây là sự phân hóa rõ nét trong vận động đi lên của chỉ số. Về kỹ thuật, đà tăng đang có dấu hiệu chững lại khi VN-Index tiếp cận vùng cản 1860–1880 điểm, cũng là vùng kháng cự quan trọng của nhịp hồi phục. Biến động lớn khả năng chi phối diễn biến các phiên tới. Nếu độ rộng và thanh khoản không cải thiện, khả năng vượt cản sẽ giảm và gia tăng rủi ro đảo chiều, với khu vực 1800 điểm hiện là vùng hỗ trợ gần.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Doji. Vận động vẫn mang tính giằng co, tích lũy trong vùng 280 – 290 điểm. Kháng cự quan trọng quanh mức 290 điểm, trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 276.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư nên tập trung quản trị danh mục theo tín hiệu của từng cổ phiếu thay vì hành động theo diễn biến chỉ số. Nếu độ rộng tiếp tục thu hẹp và xuất hiện các mã phá vỡ những vùng hỗ trợ quan trọng, cần cân nhắc hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Ngược lại, với các cổ phiếu vẫn giữ được vùng hỗ trợ gần, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, nên thận trọng và tránh mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh; chỉ cân nhắc thăm dò khi tín hiệu cân bằng thật sự rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời CTR (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 09)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,853.1	**1.4%**	1.1%	4.3%	16,791.9	**-4.3%**	-3.6%	-7.6%	671.2	**-3.2%**	4.0%	-2.5%
HNX-Index	282.5	**0.1%**	-0.8%	-1.4%	642.1	**-15.7%**	-44.7%	-2.5%	42.1	**-7.4%**	-41.6%	-1.9%
UPCOM-Index	127.9	**0.1%**	0.3%	0.6%	478.0	**31.3%**	21.0%	-35.2%	37.0	**104.0%**	16.9%	12.6%
VN30	1,984.9	**1.2%**	0.1%	3.0%	10,690.1	**-1.2%**	-4.7%	-2.2%	294.0	**5.6%**	-6.4%	-2.1%
VNMID	1,952.4	**-0.2%**	-1.2%	1.2%	5,114.3	**-11.8%**	-5.5%	-17.5%	268.7	**-9.8%**	-4.1%	-15.1%
VNSML	1,251.8	**-0.2%**	-0.9%	-0.4%	595.2	**-4.6%**	15.2%	-20.1%	45.7	**-4.5%**	16.2%	-16.1%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	636.7	**0.6%**	-1.26%	1.5%	5,318.9	**2.2%**	152.4%	19.0%	241.8	**8.9%**	160.4%	19.4%
Bất động sản	1,088.8	**3.6%**	6.2%	11.4%	4,399.3	**24.9%**	176.9%	43.1%	115.8	**28.0%**	180.3%	24.3%
Dịch vụ tài chính	286.6	**0.4%**	-1.8%	-0.8%	1,520.1	**-22.0%**	118.8%	-29.1%	85.5	**-16.7%**	126.9%	-25.4%
Công nghiệp	228.5	**-0.8%**	-2.1%	-1.0%	907.7	**16.3%**	168.4%	-5.0%	36.4	**33.2%**	185.3%	3.5%
Tài nguyên cơ bản	479.6	**0.3%**	-1.8%	-1.6%	423.8	**-41.3%**	84.7%	-18.6%	24.1	**-37.2%**	92.7%	-14.2%
Xây dựng - Vật Liệu	156.8	**-0.3%**	-1.1%	-0.1%	394.5	**21.3%**	173.6%	-10.7%	23.8	**12.9%**	164.9%	-8.8%
Thực phẩm	499.8	**0.3%**	-0.8%	2.6%	965.3	**-12.2%**	133.5%	-9.0%	22.1	**-22.6%**	117.9%	-12.7%
Bán Lẻ	1,410.7	**-0.1%**	-2.5%	2.6%	581.4	**-34.2%**	97.5%	-2.1%	9.8	**-21.5%**	119.0%	16.0%
Công nghệ	392.5	**0.7%**	-0.6%	1.3%	639.3	**3.9%**	153.8%	34.8%	9.0	**1.9%**	151.4%	4.0%
Hóa chất	167.6	**-0.2%**	-0.1%	9.3%	407.8	**-42.8%**	81.7%	29.3%	13.9	**-46.0%**	75.0%	17.3%
Tiện ích	759.0	**0.0%**	-0.6%	9.2%	243.3	**-34.9%**	96.7%	-31.0%	11.6	**-27.2%**	110.4%	-23.7%
Dầu khí	107.8	**-0.6%**	0.2%	8.0%	289.9	**-51.2%**	63.66%	-43.9%	10.3	**-52.4%**	61.1%	-49.4%
Dược phẩm	391.0	**-0.5%**	-1.0%	0.0%	25.7	**-25.1%**	113.8%	-55.0%	1.0	**-55.8%**	53.1%	-53.0%
Bảo hiểm	103.1	**1.5%**	1.6%	3.4%	31.6	**-8.8%**	137.7%	-6.3%	0.6	**-18.3%**	124.0%	-19.4%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,853.1	1.39%	3.8%	14.1x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,596	1.18%	26.7%	14.9x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,636	-0.47%	-23.3%	14.8x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,625	-0.46%	2.6%	15.2x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,091	0.35%	0.6%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,930	-0.30%	-1.0%	16.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,651	1.74%	0.1%	12.5x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,021	1.26%	29.2%	21.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,748	1.06%	13.2%	26.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	53,686	1.18%	11.7%	23.4x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,834	0.02%	9.1%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,395	0.19%	10.4%	17.3x	2.5x
DXY		99.1	-0.55%	0.7%		
USDVND		26,080	-0.069%	-0.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

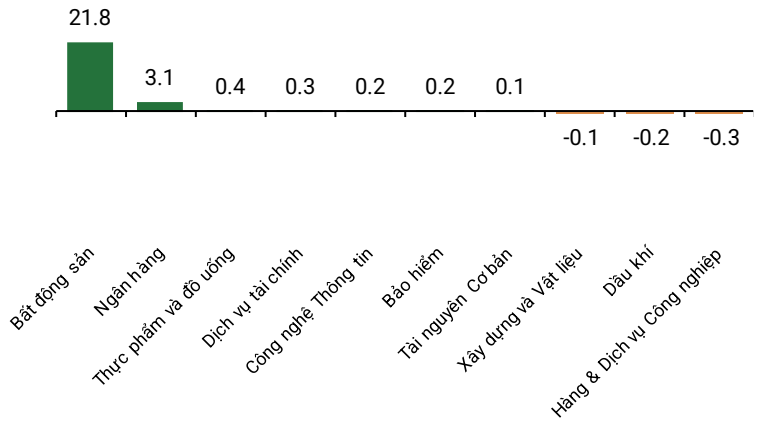
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.47%	19.8%	56.2%	41.9%
Dầu WTI	-0.64%	19.7%	58.0%	42.9%
Khí gas	0.3%	8.9%	-20.8%	-5.0%
Than cốc (*)	0.0%	17.2%	41.7%	36.9%
Thép HRC (*)	0.1%	3.9%	2.7%	-1.0%
PVC (*)	2.2%	8.3%	7.6%	2.4%
Phân Urea (*)	0.0%	0.0%	-1.8%	-21.0%
Cao su thiên nhiên	0.7%	8.1%	30.3%	33.9%
Bông Cotton	0.8%	3.5%	30.7%	29.9%
Đường	2.2%	22.7%	23.0%	17.7%
World Container Index	-0.2%	4.9%	101.8%	112.2%
Baltic Dirty tanker Index	2.0%	8.7%	108.8%	161.5%
Vàng	-0.15%	9.5%	3.4%	26.0%
Bạc	-0.28%	12.2%	-6.8%	64.2%

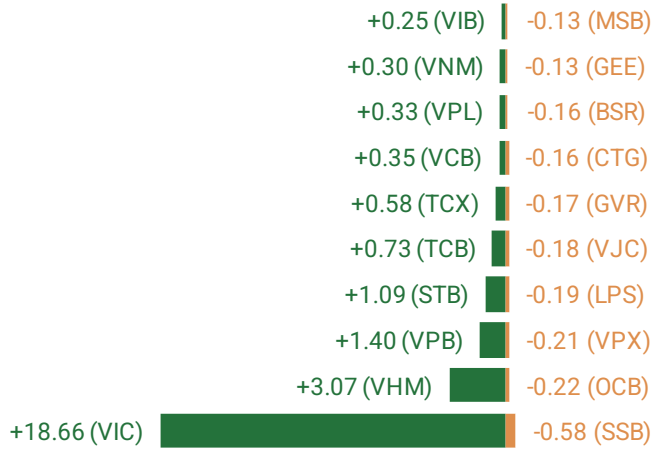
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

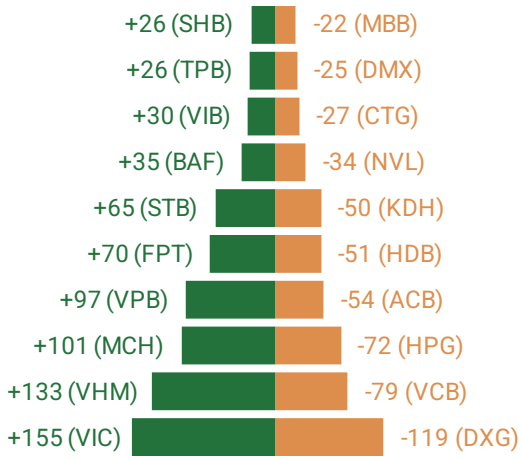
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



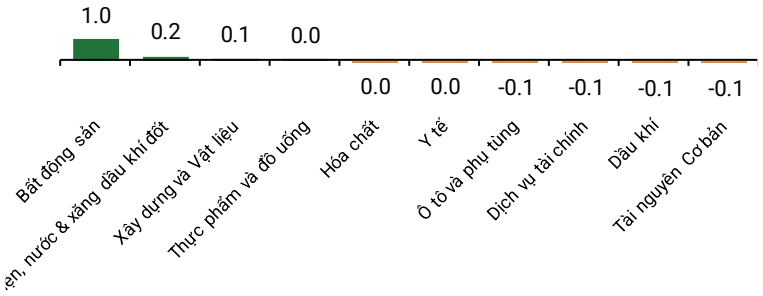
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



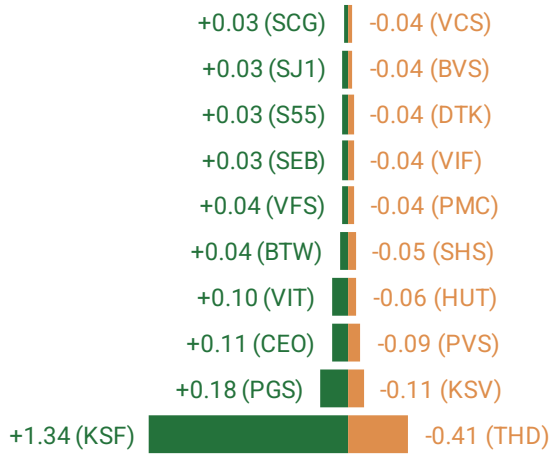
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



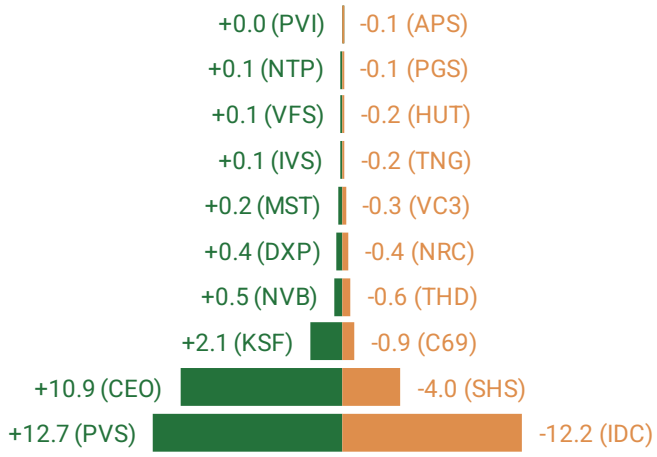
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



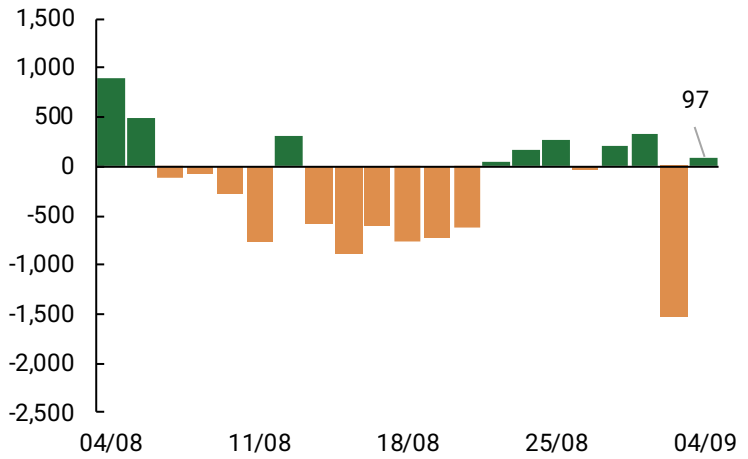
	VIC	VHM	SHB	VPB	VIX
%DoD	4.7%	2.5%	0.8%	3.2%	-0.4%
Giá trị	1,927	1,063	741	588	448

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	SSB	FPT	VNM	VIX	VPB
%DoD	-4.4%	0.8%	1.1%	-0.4%	3.2%
Giá trị	559	374	227	193	192

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



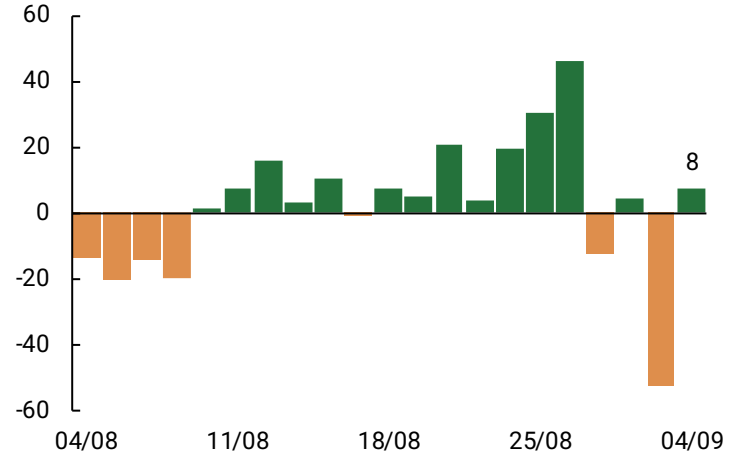
	SHS	CEO	PVS	BVS	MBS
%DoD	-0.6%	2.3%	-0.8%	-3.0%	0.0%
Giá trị	145	83	74	39	33

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	NVB	S99	TIG	CAR
%DoD	-0.8%	0.0%	-2.6%	-3.3%	9.4%
Giá trị	36	8	4	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh có bóng phía trên, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 l 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Chỉ số chững lại khi tiếp cận kháng cự 1860 điểm. Động lực tăng đang dựa vào nhóm vốn hóa lớn, trong khi độ rộng và thanh khoản đều có dấu hiệu suy yếu. Vận động khả năng trở lại rung lắc nếu sự thiếu đồng thuận vẫn tiếp diễn. Hỗ trợ duy trì xu hướng hiện quanh ngưỡng 1780 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 l 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số bật tăng phủ định đà giảm phiên trước. Vận động đang được giữ nhịp nhờ lực đỡ từ nhóm Vin, song, thanh khoản sụt giảm và độ rộng thu hẹp là điều cần lưu ý. Hiện hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1920 điểm, trong khi kháng cự là mốc 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	CTR	TAKE PROFIT	Current price	75.6		P/E (x)	13.8
Exchange	HOSE		Action price	75.0		P/B (x)	3.9
Sector	Heavy Construction		Take profit price (7/9)	75.4 - 76	1.0%	EPS	5489.3
						ROE	29.8%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá lùi về dưới ngưỡng MA20 ngày và chưa thể phục hồi.
- Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng RSI giảm về cận ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
- Rủi ro điều chỉnh mạnh nếu mất mốc 74.
- Rủi ro thị trường: Độ rộng kém đi, gia tăng sự phân hóa.

➔ Xu hướng tăng kém đi, khả năng hạ nhiệt củng cố lại nền giá.

➔ Khuyến nghị Chốt lời, nên tận dụng các nhịp biến động.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**CTR**	ChỐt lời	07/09/2026	75.60	75.4 - 76	**1.0%**	83	10.7%	71.5	-4.7%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**MCH**	Mua	30/07/2026	-	142	135 - 136	**4.8%**	150	10.7%	129	-4.8%	
2	**VCB**	Mua	07/08/2026	-	58.9	58.5 - 59	**0.3%**	65	10.6%	55.5	-5.5%	
3	**HDB**	Mua	10/08/2026	-	27.2	26.2 - 26.6	**3.0%**	28.6	8.3%	25.4	-3.8%	
4	**BSR**	Mua	12/08/2026	-	26.8	25.8 - 26.2	**2.9%**	29	11.5%	24.5	-5.8%	
5	**SAB**	Mua	12/08/2026	-	45.4	45.4 - 45.8	**-0.5%**	50	9.6%	43.5	-4.6%	
6	**DGW**	Mua	13/08/2026	-	40.1	40.5 - 41.5	**-2.3%**	45	9.8%	38.5	-6.1%	
7	**VGC**	Mua	24/08/2026	-	39.9	40 - 41	**-1.5%**	45	11.1%	38.5	-4.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1985.6, tăng 30.0 điểm (+1.5%). Giá giữ đà đi lên trong phần lớn thời gian giao dịch, dù có nhiều rung lắc.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal, cùng RSI cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng cải thiện. Dù vậy, VN30 đang chịu ảnh hưởng lớn bởi nhóm Vin, nên biến động lớn có khả năng chi phối hợp đồng phái sinh. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi vận động củng cố được trên ngưỡng 1990. Vị thế Short cân nhắc khi vận động lùi về dưới ngưỡng 1970.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1894.1, tăng 22.6 điểm (+1.2%). Độ lệch basis 0.8 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 24 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1880 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1910 điểm.

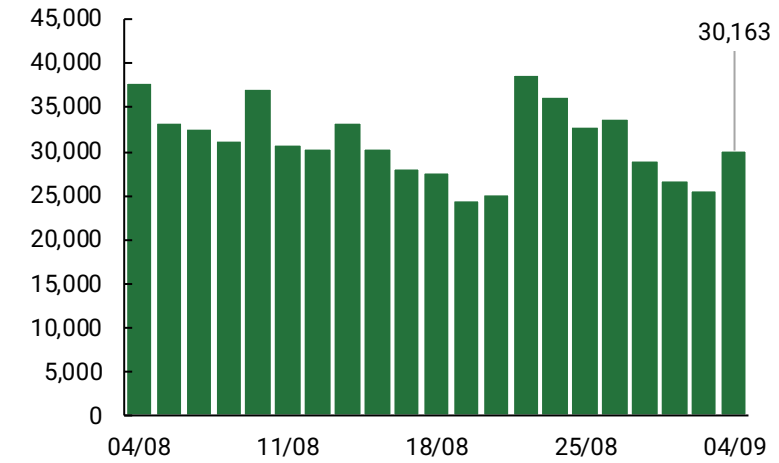
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1990	2005	1982	15 : 8
Short	< 1970	1955	1978	15 : 8

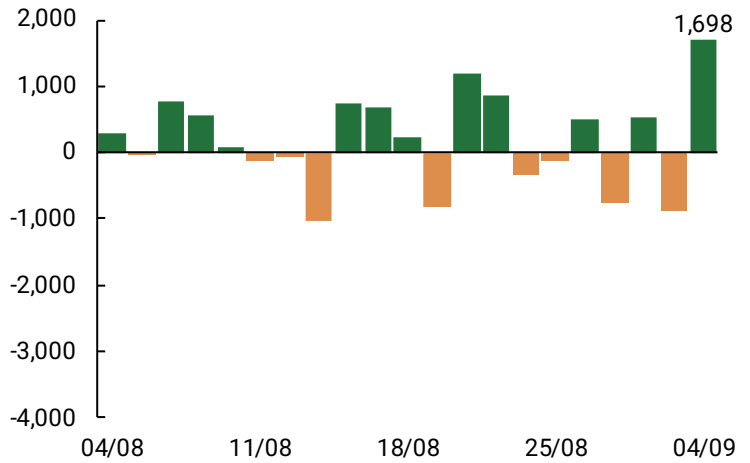
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H3000	1,982.4	31.3	22	220	2,003.1	-20.7	18/03/2027	195
41I1GC000	1,984.0	30.3	41	607	1,994.6	-10.6	17/12/2026	104
41I1GA000	1,987.9	37.9	400	826	1,988.7	-0.8	15/10/2026	41
41I1G9000	1,985.6	30.1	207,137	30,163	1,986.1	-0.5	17/09/2026	13
41I2G9000	1,894.1	22.6	24	27	1,896.1	-2.0	17/09/2026	13

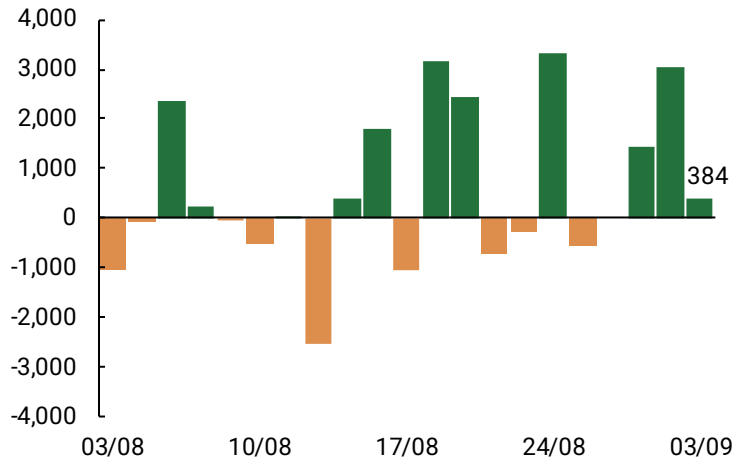
Khối lượng mở (Open interest)



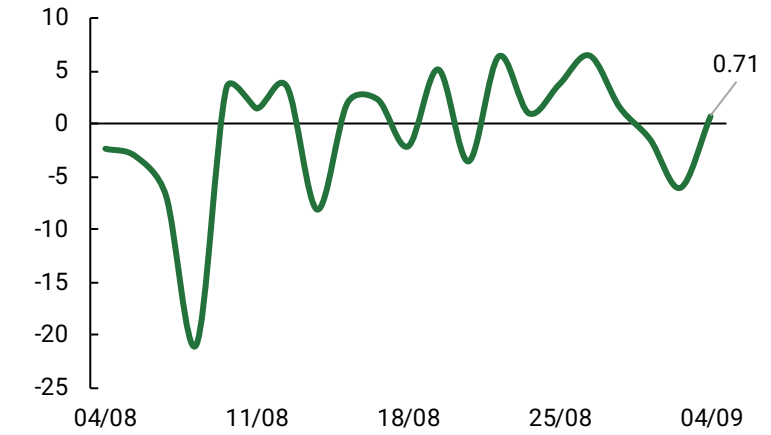
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



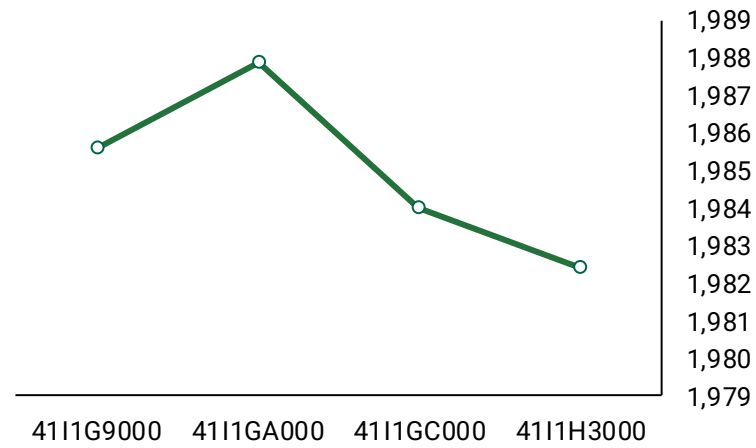
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



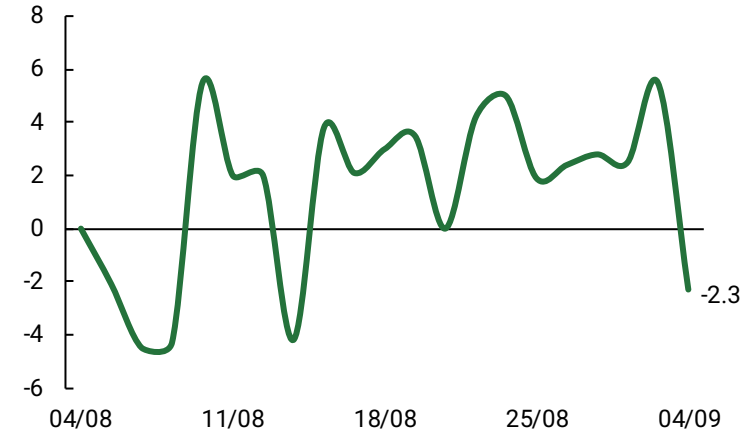
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Họp báo Chính phủ tháng 8: kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm: Tại họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 8, Chính phủ nhận định kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng tiếp tục xu hướng tích cực. CPI tháng 8 ước tăng 0.47%, bình quân 8 tháng tăng 4.45%; thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 2.03 triệu tỷ đồng, bằng 80.2% dự toán và tăng 16.2% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 8 tháng ước đạt 766.05 tỷ USD, tăng 28%, trong khi FDI đăng ký ước đạt 40.63 tỷ USD, tăng 55.4%.

Thủ tướng yêu cầu tiếp tục miễn, giảm thuế phí và phấn đấu giảm lãi suất cho vay: Kết luận phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8, Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính tiếp tục triển khai các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, NHNN được yêu cầu điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên và dự án trọng điểm. Thủ tướng cũng lưu ý cần giữ ổn định thanh khoản, phấn đấu giảm lãi suất cho vay và điều hành linh hoạt tiền gửi Kho bạc Nhà nước để tăng thanh khoản cho nền kinh tế.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PNJ - Gia đình Chủ tịch đạt thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho công ty: PNJ và gia đình Chủ tịch Cao Thị Ngọc Dung đạt thỏa thuận về việc cung cấp khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và tăng cường nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp. Thông tin được công bố trước thềm ĐHĐCĐ bất thường, trong bối cảnh PNJ đang bước vào giai đoạn tái thiết sau các biến động liên quan hoạt động kinh doanh.

VPB - Nợ xấu xuống mức thấp nhất nhiều năm: VPBank cho biết chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện, với tỷ lệ nợ xấu giảm về mức thấp nhất trong nhiều năm. Diễn biến này đi ngược xu hướng chung của ngành ngân hàng trong bối cảnh áp lực nợ xấu vẫn còn hiện hữu. Tín hiệu cải thiện chất lượng tài sản giúp củng cố dư địa tăng trưởng tín dụng và kiểm soát chi phí dự phòng của ngân hàng.

KBC - Phát hành 700 tỷ đồng trái phiếu lãi suất 12%/năm: Kinh Bắc hoàn tất phát hành lô trái phiếu riêng lẻ mã KBCL12601 với tổng giá trị 700 tỷ đồng, kỳ hạn 3 năm. Trái phiếu có lãi suất cố định 12%/năm và được bảo đảm bằng tài sản. Nguồn vốn huy động dự kiến dùng để cơ cấu lại nợ của doanh nghiệp.

GIL - Thoát lỗ nhưng BCTC bị ngoại trừ vì vụ kiện Amazon: Gilimex ghi nhận doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 447 tỷ đồng, tăng 75% YoY; LNST đạt 21 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ gần 70 tỷ đồng. Tuy nhiên, BCTC soát xét bán niên 2026 bị kiểm toán đưa ý kiến ngoại trừ do doanh nghiệp chưa trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho liên quan vụ kiện Amazon. GIL cho biết sẽ tiếp tục kháng cáo để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và cổ đông.

DVP - Sắp chi thêm 120 tỷ đồng cổ tức tiền mặt: Cảng Đình Vũ chốt danh sách cổ đông vào ngày 10/9/2026 để trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 30%, tương ứng 3,000 đồng/cp. Với 40 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 120 tỷ đồng cho đợt này. Sau khi hoàn tất, DVP sẽ hoàn thành phương án cổ tức năm 2025 với tổng tỷ lệ 80%.

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	26,750	31,150	16.4%	Tăng tỷ trọng
CTG	31,400	40,700	29.6%	Mua
CTD	61,900	82,900	33.9%	Mua
DBD	47,750	66,000	38.2%	Mua
DDV	18,294	35,900	96.2%	Mua
DGW	40,050	47,500	18.6%	Tăng tỷ trọng
DPG	29,100	42,300	45.4%	Mua
DPR	37,050	46,500	25.5%	Mua
DRI	14,194	17,200	21.2%	Mua
EVF	12,350	14,400	16.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	142,700	151,000	5.8%	Nắm giữ
GMD	77,400	88,900	14.9%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,200	58,300	23.5%	Mua
HDG	17,500	30,900	76.6%	Mua
HHV	9,980	11,700	17.2%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,700	34,200	57.6%	Mua
IMP	38,900	54,400	39.8%	Mua
KDH	17,300	38,800	124.3%	Mua
MCH	142,000	148,500	4.6%	Nắm giữ
MWG	73,100	115,600	58.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,550	27,500	33.8%	Mua
NLG	25,700	39,400	53.3%	Mua
NT2	20,450	27,700	35.5%	Mua
PHR	61,800	72,800	17.8%	Tăng tỷ trọng
PNJ	40,050	75,500	88.5%	Mua
PVS	38,700	39,900	3.1%	Nắm giữ
PVT	20,200	26,000	28.7%	Mua
POW	12,850	17,500	36.2%	Mua
SAB	45,350	54,900	21.1%	Mua
SSI	21,050	31,200	48.2%	Mua
TLG	51,500	50,000	-2.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,600	41,700	27.9%	Mua
TCM	17,000	35,300	107.6%	Mua
TRC	87,000	91,800	5.5%	Nắm giữ
VCB	58,900	79,700	35.3%	Mua
VPB	27,800	36,500	31.3%	Mua
VCG	15,750	23,300	47.9%	Mua
VHC	52,500	58,000	10.5%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,900	66,650	7.7%	Nắm giữ

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801